

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☐; Nội dung không đúng thì để trống: ☐

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Văn hóa

; Chuyên ngành: Văn hóa học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ THỊ THU HIỀN

2. Ngày tháng năm sinh: 04 - 10 - 1975 ; Nam ☐; Nữ ☒ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh

; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Hoàng Khê, Huyện Hoàng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 38 Phố Huế, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Lê Thị Thu Hiền, Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 51 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0941919699; E-mail: lethuhien75@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 9/1998 đến tháng 11/2011: Chuyên viên Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Từ tháng 12/ 2011 đến tháng 3/2017: Phó Vụ trưởng Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Từ tháng 6/2013 đến tháng 8/2015: Phó Bí thư Chi bộ Vụ Đào tạo, Phó Vụ trưởng Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên BCH Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Từ tháng 4/2017 - 4/2019: Vụ trưởng Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Từ tháng 5/2019: Cục trưởng Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chức vụ hiện nay: Ủy viên BCH Đảng Bộ, Bí thư Chi bộ, Cục trưởng.

Chức vụ cao nhất đã qua: Vụ trưởng Vụ Đào tạo.

Cơ quan công tác hiện nay: Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Địa chỉ cơ quan: 51 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243. 9436131

Thỉnh giảng tại 04 cơ sở giáo dục đại học:

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương;
- Đại học Văn hóa Hà Nội;
- Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 4 năm 1997, ngành: Luật; Chuyên ngành: Pháp luật Kinh tế

Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 4 năm 2010, ngành: Văn hóa, chuyên ngành: Quản lý Văn hóa

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 4 năm 2015, ngành: Văn hóa, chuyên ngành: Văn hóa học

Nơi cấp bằng TS: Đại học Văn hóa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ..., chuyên ngành:...

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng...năm ... ,ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS liên ngành: Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục - Thể thao.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu đường lối văn hóa của Đảng, chính sách văn hóa của Nhà nước;
- Nghiên cứu về quản lý văn hóa nghệ thuật;
- Nghiên cứu văn hóa phi vật thể và các vấn đề văn hóa đương đại: Văn hóa và phát triển, văn hóa kinh tế, chính sách văn hóa...;
- Nghiên cứu về chính sách trong quản lý và đào tạo nhân lực văn hóa nghệ thuật.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 09 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (07 HV đã được cấp bằng);
- Đang hướng dẫn 04 HVCH;
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp cơ sở;

- Đang thực hiện 01 đề tài NCKH cấp Bộ;
- Đã công bố 30 bài báo KH và tham luận kỷ yếu Hội thảo, trong đó 02 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 cuốn thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng... tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

1) Tác giả sách chuyên khảo, viết 01 mình: Cơ sở hình thành và giá trị văn hóa của Nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam, Lê Thị Thu Hiền, NXB Văn học, 2017, ISBN 978- 604- 957- 934 - 9;

2) Giáo trình, chủ biên và tham gia viết (Nhà nước đặt hàng): Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, Lê Thị Thu Hiền chủ biên, nhóm 11 tác giả TS. Lê Thị Thu Hiền, PGS.TS. Phạm Duy Đức, PGS.TS. Phạm Thị Thu Hương, PGS.TS. Bùi Hoài Sơn, PGS.TS. Đặng Hoài Thu, PGS.TS. Nguyễn Toàn Thắng, PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu, TS. Trần Minh Chính, TS. Lưu Khương Hoa, TS. Nguyễn Thành Nam, TS. Lê Thị Khánh Ly, NXB Văn học, 2018, ISBN 978 – 604 – 976 – 227 – 7;

3) Sách tham khảo, chủ biên (02 tác giả), Nhà nước đặt hàng: Đào tạo tài năng lĩnh vực văn hóa nghệ thuật đến năm 2030, TS. Lê Thị Thu Hiền chủ biên, các tác giả TS. Lê Thị Thu Hiền, ThS Đỗ Thị Kim Thương, NXB Văn học, 2017, ISBN 978 – 604 – 957 – 950 - 9;

4) Tác giả Bài báo KH đăng trên tạp chí KH quốc tế (Trung Quốc): Văn hóa “giới” trong nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam, Lê Thị Thu Hiền, Tạp chí Nghệ thuật Trên con đường tơ lụa, tr 9-10, NXB Lý Giang, 2018, ISSN 2096 - 3009;

5) Tác giả bài báo KH đăng trên chuyên luận khoa học quốc tế (Ba Lan): Múa rối nước Việt Nam – Một di sản văn hóa độc đáo, Lê Thị Thu Hiền, chuyên luận của Đại học Zielona Góra, NXB Remigraf, 2018, ISBN 978 – 83 – 945714 – 8 – 1.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Chiến sĩ thi đua cấp Bộ 03 năm 2010, 2013, 2018;

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 05 năm 2010, 2012, 2014, 2016, 2018;

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2010;

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Tháng 12/2014, sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, tôi tham gia thỉnh giảng tại 04 cơ sở đào tạo: Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương, Viện Văn hóa và Phát triển - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh, Đại học Văn hóa Hà Nội. Đến nay, tôi có 04 năm liên tục là giảng viên thỉnh giảng của các trường, tham gia là thành viên Hội đồng khoa học của Viện Văn hóa và Phát triển - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tham gia các Hội đồng khoa học đánh giá Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Bộ và cấp Nhà nước. Tôi được cấp Chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (Hạng I).

Trong quá trình giảng dạy, tôi đã tham gia giảng dạy các trình độ, chuyên ngành như sau:

- Cử nhân Văn hóa nghệ thuật: Môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Cao học Quản lý văn hóa: Học phần Văn hóa và phát triển
- Cao học Văn hóa học: Học phần Văn hóa dân gian, học phần Quản lý văn hóa.

Bên cạnh đó, tôi tham gia xây dựng đề thi, chấm thi, tham gia Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo nói trên.

Khi được phân công hướng dẫn học viên cao học làm luận văn thạc sĩ, tôi luôn nhiệt tình hướng dẫn, định hướng chọn đề tài và phương pháp nghiên cứu phù hợp; thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi kiến thức, khuyến khích các ý tưởng sáng tạo, giúp học viên thực hiện luận văn đạt kết quả tốt.

Tôi đã chủ biên viết 02 cuốn giáo trình do Nhà nước đặt hàng, trong đó 01 cuốn sử dụng chung cho tất cả các cơ sở đào tạo đại học Văn hóa nghệ thuật trên cả nước học phần Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, 01 cuốn giáo trình Tiếng Nga cho các trường đào tạo đại học chuyên ngành Du lịch và hướng dẫn viên.

Tôi đã góp phần tham gia xây dựng Đề án mở mã ngành Đào tạo cao học Quản lý văn hóa của Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Trong công tác nghiên cứu khoa học, tôi luôn có lòng say mê nghiên cứu; tìm tòi tài liệu, thực tế và học hỏi kiến thức, phương pháp nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước; cố gắng tìm ra những hướng tiếp cận mới đối với các vấn đề nghiên cứu, cố gắng truyền cảm hứng đến đồng nghiệp và lòng say mê nghiên cứu khoa học đối với đồng nghiệp và học viên.

Trong suốt quá trình công tác, tôi luôn phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và nghiệp vụ sư phạm; rèn luyện phẩm chất chính trị, tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ của giảng viên, giữ vững uy tín, danh dự của nhà giáo.

10 năm liên tục tôi được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 3 lần Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, 05 bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 01 bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên: Tổng số 04 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ) (Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016			01				0/84 giờ
3 năm học cuối								
2	2016-2017			02			30	30/170 giờ
3	2017-2018			03				0/267 giờ
4	2018-2019			03		54,6	75	129/339 giờ

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm ... đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: ... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng: ...; năm cấp:...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 (Bậc 4/6 theo quy định Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.)

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Kim Ngân		X	X		2015-2016	Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	2016
2	Lê Ngô Quỳnh Đan		X	X		2016-2017	Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh	2017
3	Lưu Thu Huyền		X	X		2016-2017	Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh	2017

4	Vũ Hải Toàn		X	X		2017-2018	Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW	2018
5	Đinh Văn Tuấn		X	X		2017-2018	Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	2018
6	Trần Ngọc Ánh		X	X		2017-2018	Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	2018
7	Nguyễn Thanh Loan		X	X		2018-2019	Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	2019
8	Nguyễn Thu Hà		X	X		2018-2019	Đại học Văn hóa Hà Nội	5/2019 (Chờ cấp bằng)
9	Nguyễn Kiều Lan Thương		X	X		2018-2019	Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh	5/2019 (Chờ cấp bằng)

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

SÁCH SAU KHI BẢO VỆ TIỀN SĨ						
TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Cơ sở hình thành và giá trị văn hóa của nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam	CK	NXB Văn học, 2017 ISBN 978- 604-957- 934 - 9	01	Một mình	Viện Văn hóa và Phát triển; Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh; ĐH Văn hóa Hà Nội.
2	Đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam	GT	NXB Văn học, 2018 ISBN 978 -604 - 976 - 227 - 7	11	Chủ biên, Biên soạn: Tr 220 – tr 254	Viện Văn hóa và Phát triển; Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh; ĐH Văn hóa Hà Nội.
3	Hướng dẫn Du lịch – Tập 1	GT	NXB Văn học 2018 ISBN 978-604-976-228-4	02	Chủ biên	Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh; ĐH Văn hóa Hà Nội.
4	Đào tạo tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030	TK	NXB Văn học 2018 ISBN 978-604-957-950 - 9	02	Chủ biên, Biên soạn: tr 29 - tr 91	Viện Văn hóa và Phát triển; Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh.
5	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030	TK	NXB Văn học 2018 ISBN 978-604-957-949-3	02	Chủ biên, Biên soạn: Tr 17- tr 79	Viện Văn hóa và Phát triển; Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	ĐT: Bảo tồn và phát huy nghệ thuật Múa rối nước trong giai đoạn hiện nay	CN	Cấp cơ sở	2016	14/11/2016
2	ĐT: Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, phát triển tài năng lĩnh vực Mỹ thuật	CN	Cấp cơ sở	2017	21/12/2017

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

BÀI BÁO TRƯỚC KHI BẢO VỆ TIẾN SĨ								
TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
1	Marketing trong hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật	01	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655			311	61 - 63	2010
2	Thực trạng và giải pháp về cơ chế chính sách trong công tác đào tạo, phát triển nhân lực ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	01	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: "Xây dựng chính sách cấp bách trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình" - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch				142-151	2011
3	Chức năng giáo dục của Múa rối nước	01	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655			359	78 - 81	2014
4	Bàn về tên gọi, nguồn gốc và diễn trình phát triển của nghệ thuật Múa rối nước ở Việt Nam	01	Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa ISSN 0866-7667			07	70-75	2014
5	Vài nét về nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam	01	Tạp chí Văn hóa học ISSN 1859-4859			12	77-82	2014
6	Những yếu tố tạo thành giá trị nghệ thuật của Múa rối	01	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật			360	75-78	2014

	nước		ISSN 0866-8655					
7	Về văn hóa giới trong nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam	01	Tạp chí Văn hóa học ISSN 1859-4859			14	81-85	2014
8	Múa rối nước Việt Nam - Một di sản văn hóa độc đáo	01	Tạp chí Di sản văn hóa ISSN 1859-4956			48	67 - 72	2014
BÀI BÁO SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ								
9	Giá trị nhận thức của Múa rối nước Việt Nam	01	Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa ISSN 0866-7667			14	52 - 56	2015
10	Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học ngành Văn hóa nghệ thuật, Thể dục thể thao và Du lịch	01	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch” - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch				57-66	2016
11	Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của nguồn nhân lực ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	01	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655			386	12 - 15	2016
12	Những tiền đề văn hóa của nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam	01	Tạp chí Giáo dục nghệ thuật ISSN 1859-4956			18	22 - 26	2016
13	Về đào tạo nguồn nhân lực ngành Bảo tàng ở Việt Nam hiện nay	01	Tạp chí Di sản văn hóa ISSN 1859-4956			57	20 - 25	2016
14	Bảo tồn và phát huy nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam	01	Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh ISSN 2354-0680			12 và 13	51 - 56	2016
15	Góp bàn về giáo dục nghệ thuật trong chương trình giáo dục phổ thông	01	Tạp chí Giáo dục nghệ thuật ISSN 1859-4964			19	82-85	2016

16	Triển khai tự chủ đại học ở các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Nâng cao chất lượng đào tạo VHNT, TDTT và DL theo hướng chuẩn quốc gia và khu vực”-Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch					2017
17	Ứng phó của văn hóa Việt Nam trước tác động toàn cầu hóa kinh tế	01	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655			393	27 - 30	2017
18	Đẩy mạnh công tác đảm bảo, kiểm định để nâng cao chất lượng giáo dục lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật	01	Tạp chí Giáo dục nghệ thuật ISSN 1859-4964			21	93 - 96	2017
19	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch	01	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655			400	3-6	2017
20	Về công tác quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật sân khấu truyền thống	01	Tạp chí Giáo dục nghệ thuật			22	86-89	2017
21	Thực trạng và giải pháp đổi mới hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong các viện nghiên cứu, các trường đại học văn hóa nghệ thuật	01	Tạp chí Giáo dục nghệ thuật ISSN 1859-4964			23	61-62	2017
22	Đào tạo đặt hàng đối với các cơ sở đào tạo VHNT trong xu thế thực hiện tự chủ giáo dục Việt Nam	01	Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa ISSN 0886-7667			22	89-96	2017
23	Nghệ thuật Múa rối nước hôm nay và giải pháp bảo tồn từ công tác đào tạo	01	Tạp chí Giáo dục nghệ thuật ISSN 1859-4964			24	37-41	2018
24	Tự chủ đào tạo văn hóa nghệ thuật trong xu thế tự chủ giáo dục đại học ở Việt Nam	01	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655			409	6-9	2018
25	Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo tài năng lĩnh vực văn hóa nghệ thuật	01	Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa ISSN 0886-7667			23	95- 104	2018

26	Vietnam Water Puppet - a unique cultural heritage	01		Chuyên luận khoa học "Culture-Education-Professional work" Ba Lan, ISBN 978 - 604 - 976 - 227 - 7			127-134	2018
27	Một số đặc trưng văn hóa của Nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam	01		Tạp chí Nghệ thuật trên con đường tơ lụa - Trung Quốc, ISSN 2096 - 3009		7	9-10	2018
28	Cơ chế chính sách trong đào tạo phát triển nhân lực ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	01	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655			419	23-25 và 38	2019
29	Thực hiện tự chủ và quyền tự chủ đối với các cơ sở đào tạo lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể thao	01	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655			420	29-32	2019
30	Xây dựng chuẩn đầu ra cho nhân lực VHNT triển khai khung trình độ quốc gia VN trong bối cảnh hội nhập quốc tế	01	Tạp chí Giáo dục nghệ thuật ISSN 1859-4964					

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS: 02 bài

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

Tham gia tư vấn xây dựng Đề án mở mã ngành Cao học Quản lý văn hóa của Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☒
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐
- Hướng dẫn NCS,ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Người đăng ký



Lê Thị Thu Hiền

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên TS Lê Thị Thu Hiền đã kê khai là đúng sự thật.

- Về giai đoạn công tác tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 21 năm (Liên tục từ năm 1998 ở Vụ Đào tạo và từ tháng 5/2019 đến nay là Cục Di sản văn hóa), ứng viên TS Lê Thị Thu Hiền là chuyên viên chính, được bổ nhiệm làm lãnh đạo đơn vị từ năm 2011, từ năm 2017 đến nay đảm nhiệm chức danh cấp trưởng đơn vị, đã luôn hoàn thành xuất sắc vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, thực hiện nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về công tác đào tạo của ngành văn hóa, thể thao và du lịch, có đóng góp trong hoạt động nghiên cứu khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong quá trình công tác, ứng viên nhiều năm liên tục được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, nhiều lần được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ do lập thành tích xuất sắc trong công tác.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2019

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Khánh Hải